

Số: 08/2023/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập; số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 396/BC-PC ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Các nội dung, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện và các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ tiền ăn bằng 0,8 (không phẩy tám) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch

chế độ tiền ăn bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán chế độ tiền ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường. Chế độ tiền ăn đối với người cai nghiện bị ốm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

2. Định mức chi tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc bằng 0,9 (không phải chín) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

3. Chi mua sắm quần áo cấp cho người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú: Thanh toán theo thực tế (kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp), mức chi tối đa không quá 250.000 đồng/người/bộ quần áo mùa hè hoặc 350.000 đồng/người/bộ quần áo mùa đông.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy

1. Chế độ chi hỗ trợ tiền ăn đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Chi hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập hàng năm bằng 0,9 (không phải chín) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/lần.

3. Chi hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy gồm:

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để quyết định chế độ cai nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

b) Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế:

- Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

- Đối với các khoản chi khác, mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp, cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi hỗ trợ 100% chế độ khám chữa bệnh gồm:

a) Khám sức khỏe định kỳ 06 (sáu) tháng/lần: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

b) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện ma túy tự nguyện bị ốm được điều trị tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp, cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hỗ trợ chỗ ở.

Điều 4. Mức chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,6 (không phải sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

2. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Mức chi bằng mức chi quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 5. Trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được hưởng mức trợ cấp đặc thù hàng tháng là 1,0 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

2. Không hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động trong thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; trong thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trong thời gian tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác hoặc đình chỉ làm chuyên môn từ 01 tháng trở lên.

3. Thời gian chi trả hỗ trợ: Trả cùng kỳ lương hàng tháng.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

2. Nghị quyết số 250/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng